

Bản án số: 571/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2022

V/v: *Tranh chấp Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vũ Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Bình Minh
2. Bà Dương Nguyễn Thùy Trang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 148/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 181/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông HAT, sinh năm: 1978; địa chỉ thường trú: số x/x đường xxx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: x/x đường xx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. **Bị đơn:** Bà LTLH, sinh năm: 1978; địa chỉ thường trú: số x/x đường xx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện nộp ngày 02/4/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/01/2022, Bản tự khai ngày 22/4/2021, ngày 29/12/2021, ngày 17/8/2022, đơn trình bày ngày 10/01/2022, các Biên bản phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 20/4/2021, ngày 29/12/2021 và ngày 17/8/2022, nguyên đơn ông HAT trình bày:*

Ông và bà LTLH là vợ chồng hợp pháp chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 48, Quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký ngày 13/4/2005.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung là em HLKH, nam, sinh ngày: 11/7/2004 và em HLKHy, nữ, sinh ngày: 18/7/2011.

Khoảng thời gian đầu chung sống, vợ chồng rất hòa hợp, thương yêu. Từ năm 2018, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm cũng như lối sống, không có tiếng nói chung. Ông và bà H đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cả hai không liên hệ nhau về kinh tế và tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H để cả hai sớm ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Có 02 con chung là em HLKH, nam, sinh ngày: 11/7/2004 và em HLKHy, nữ, sinh ngày: 18/7/2011. Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con KH và KHy, về cấp dưỡng nuôi con ông không yêu cầu bà H cấp dưỡng.

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2021, Ông T yêu cầu nuôi 02 trẻ KH và KHy.

Ngày 17/8/2022, Ông T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con, do đến thời điểm hiện nay trẻ HLKH, sinh ngày 11/7/2004 đã thành niên, ông không yêu cầu về việc nuôi dưỡng trẻ H, ông chỉ yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Hy. Việc cấp dưỡng nuôi con ông và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, ngày 14/01/2022, Ông T nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân do ông và bà H không tự thỏa thuận được. Tài sản chung gồm có:

1. Căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ x/x đường xx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00319 do Ủy ban nhân dân Quận 11 cấp ngày 27/5/2011 do Ông T và bà H đứng tên sở hữu): Ông T yêu cầu chia theo tỷ lệ Ông T 70% giá trị nhà và đất và bà H 30% giá trị nhà và đất. Lý do nguồn gốc căn nhà là do cha mẹ ruột Ông T cho, ông có nguyện vọng nuôi 2 con chung nên muốn dành 1 phần trong số 70% để dành cho con. Ông T ước tính căn nhà trị giá 6.000.000.000 đồng, ông yêu cầu được chia 4.200.000.000 đồng.

2. Xe ô tô Mazda 2 SD 1.5 CKD số khung RN2DL4AAFC022022; số máy P520298582; biển kiểm soát 51F- 560.19 do Ông T đứng tên sở hữu. Giá trị xe tạm tính là 350.000.000 đồng, Ông T yêu cầu chia đôi, mỗi người 50% trị giá xe, tương đương là 175.000.000 đồng.

Tổng số tiền Ông T yêu cầu chia tài sản chung là 4.375.000.000 đồng.

Ngày 23/3/2022 Ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 56.187.500 đồng đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Ngày 17/8/2022, Ông T nộp đơn xin rút yêu cầu khởi kiện bổ sung về chia tài sản chung là nhà và chiếc xe ô tô trên do ông và bà H đã thỏa thuận được với nhau.

Ngày 14/9/2022 ông HAT có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc cá nhân không thể tham dự phiên tòa.

** Về phía bị đơn, tại bản tự khai ngày 10/4/2021, ngày 17/8/2022; các Biên bản phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 20/4/2021, ngày 29/12/2021 và ngày 17/8/2022, bà LTLH trình bày:*

Bà và ông HAT là vợ chồng hợp pháp chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn theo Giấy đăng ký kết hôn số 48, Quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký ngày 13/4/2005.

Vợ chồng chung sống có 02 con chung là em HLKH, nam, sinh ngày: 11/7/2004 và em HLKHy, nữ, sinh ngày: 18/7/2011.

Khoảng thời gian đầu chung sống, vợ chồng rất hòa hợp, thương yêu và san sẻ vui buồn trong cuộc sống với nhau. Từ năm 2019, vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm cũng như lối sống, không có tiếng nói chung. Bà xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, cả hai không liên hệ nhau về kinh tế và tình cảm nên bà đồng ý yêu cầu ly hôn của Ông T để cả hai sớm ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: có 02 con chung là em HLKH, nam, sinh ngày: 11/7/2004 và em HLKHy, nữ, sinh ngày: 18/7/2011. Riêng em HLKH đã thành niên, sống với ai tùy ý, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà thống nhất giao trẻ HLKHy cho Ông T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con bà và Ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và Ông T có 01 căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ x/x đường xx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh. (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00319 do Ủy ban nhân dân Quận 11 cấp ngày 27/5/2011 do bà và Ông T đứng tên sở hữu) và 01 xe ô tô Mazda 2 SD 1.5 CKD số khung RN2DL4AAFC022022; số máy P520298582; biển kiểm soát 51F- 560.19 do Ông T đứng tên sở hữu. Bà yêu cầu được chia theo pháp luật.

Ngày 11/5/2021 và ngày 14/5/2021 bà H nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là nhà và xe ô tô trên.

Ngày 19/5/2021 bà H nộp tiền tạm ứng án phí số tiền là 47.750.000 đồng đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Ngày 17/8/2022 bà H nộp đơn xin rút đối với yêu cầu chia tài sản chung là nhà và chiếc xe ô tô trên do bà và Ông T đã thỏa thuận được với nhau.

Ngày 14/9/2022 bà LTLH có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc cá

nhân không thể tham dự phiên tòa và xin bảo lưu các nội dung đã được ghi nhận trong biên bản hòa giải ngày 17/8/2022.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau: “Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật, tuy nhiên chưa đảm bảo đúng thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận ông HAT và bà LTLH thuận tình ly hôn. Về con chung: có 02 con chung là em HLKH, nam, sinh ngày 11/7/2004 và trẻ HLKHy, nữ, sinh ngày 18/7/2011. Em HLKH đã trưởng thành muốn ở với cha hay mẹ tùy ý. Công nhận sự thỏa thuận của Ông T và bà H về việc giao trẻ HLKHy cho Ông T trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con Ông T và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu về chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của Ông T và bà H, do Ông T và bà H có đơn xin rút, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các Biên bản lời khai đã thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông HAT và bà LTLH chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Ông T xin ly hôn với bà H, bị đơn có nơi cư trú tại Quận 11 nên Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Về người tham gia tố tụng: ngày 14/9/2022 nguyên đơn và bị đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự:*

* Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân của vợ chồng ông HAT và bà LTLH lúc đầu hạnh phúc, vợ chồng yêu thương san sẻ công việc cho nhau. Từ năm 2018 đến nay, cả hai thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm cũng như về kinh tế gia đình, cả hai không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống chung trở nên ngột ngạt, Ông T và bà H sống ly thân gần 1 năm. Tại các buổi hòa giải, Ông T và bà H đều đồng thuận ly hôn để cả hai sớm ổn định cuộc sống mới.

Xét thấy mâu thuẫn giữa Ông T và bà H là trầm trọng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T xin ly hôn và bà H cũng đồng ý. Do

đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 công nhận thuận tình ly hôn giữa Ông T và bà H.

* Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung là em HLKH, nam, sinh ngày: 11/7/2004 và em HLKHy, nữ, sinh ngày: 18/7/2011.

Ngày 17/8/2022, Ông T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc nuôi con, do đến thời điểm hiện nay em HLKH, sinh ngày 11/7/2004 đã thành niên, Ông T không yêu cầu về việc nuôi dưỡng trẻ Huy. Xét nội dung rút yêu cầu về nuôi con của Ông T là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Em HLKH, nam, sinh ngày: 11/7/2004 đã thành niên, Ông T không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận sự thống nhất của Ông T và bà H: Giao trẻ HLKHy, nữ, sinh ngày 18/7/2011 cho ông HAT là cha ruột chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/01/2022 Ông T nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà và đất số x/x đường xx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 xe ô tô Mazda 2. Tổng số tiền Ông T yêu cầu chia tài sản chung là 4.375.000.000 đồng. Tòa án đã thụ lý yêu cầu chia tài sản chung trên.

Ngày 11/5/2021 và ngày 14/5/2021 bà H nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà và đất số x/x đường xx, Phường x, Quận x, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 xe ô tô Mazda 2. Bà H yêu cầu được chia theo pháp luật. Tòa án đã thụ lý yêu cầu chia tài sản chung trên.

Ngày 17/8/2022, Ông T và bà H nộp đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung là nhà và chiếc xe ô tô trên do Ông T và bà H đã thỏa thuận được với nhau.

Xét đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của Ông T và bà H là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin rút yêu cầu về chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và đình chỉ đối với yêu cầu trên.

* Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu của các bên đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là có cơ sở và phù hợp quy định Pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Ông HAT chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Hoàn lại cho ông HAT số tiền 56.187.500 (Năm mươi sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019923 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh do rút yêu cầu chia tài sản chung.

Hoàn lại cho bà LTLH số tiền 47.750.000 (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0052947 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh do rút yêu cầu chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 267, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân của ông HAT và bà LTLH.

2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông HAT và bà LTLH.

Giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký ngày 13/4/2005 không còn giá trị.

3. Về con chung: Em HLKH, nam, sinh ngày: 11/7/2004 đã thành niên, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Giao trẻ HLKHy, nữ, sinh ngày 18/7/2011 cho ông HAT là cha ruột chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, Ông T và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H được quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Ông T và bà H đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông HAT tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0052845 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Ông T đã nộp đủ án phí.

Hoàn lại cho ông HAT số tiền 56.187.500 (Năm mươi sáu triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0019923 ngày 23/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà LTLH số tiền 47.750.000 (Bốn mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0052947 ngày 19/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Ông HAT và bà LTLH có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- UBND Phường Cô Giang, Q.1, TP.HCM
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Vũ Vân

